

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST

Ngày: 06 - 02 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Tám

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đức Lam Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/TLST-DS ngày 14/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-DS ngày 28/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T; trụ sở: Tòa nhà T, KX đường L, phường C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: KY đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông (bà) Hồ Thị Thanh N, Lê Văn Đ, Trương Thị H, Trần Tấn H, Nhan Ngọc L, Đinh Văn N - đều là Cán bộ Trung tâm Xử lý nợ KHCN - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - T (Giấy ủy quyền số 05/2025/UQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị T và Giấy ủy quyền số 649/2025/GUQ-TPB.MC ngày 28/4/2025 của Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ KHCN - Khối giám sát tín dụng và xử lý nợ KHCN - TPBank). Ông Đ có mặt.

- Bị đơn: Bà Văn Thị Thùy T, sinh năm 1995 và ông Ngô Nguyễn Quốc H, sinh năm 1986, cùng địa chỉ: KZ đường Y, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Tiên Phong là ông Lê Văn Đ trình bày:**

Ngân hàng TMCP T cho bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H theo 02 Hợp đồng vay vốn như sau:

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Số tiền vay 1.000.000.000đồng; ngày giải ngân: 06/11/2024; thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 06/11/2032; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân: 8.5%/năm, lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo: Bằng lãi suất cơ sở ô tô KHCN 03 tháng của TPBank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất: 03 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc, lãi: trả hàn tháng;

+ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng T kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024: Hạn mức thẻ tín dụng: 20.000.000đồng, loại thẻ: Thẻ tín dụng T Visa Flash 2IN1, số tiền giải ngân: Khách hàng sử dụng/tiêu dùng theo hạn mức được cấp.

Để đảm bảo nợ vay, bà Trang, ông Hưng đã thế chấp cho Ngân hàng T tài sản: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu: Trắng, biển kiểm soát số 43A-.21, số khung: RL4BA3FS2R12, số máy: 1GD567 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 437/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024. Việc đăng ký giao dịch đảm bảo được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình vay vốn, bà T, ông H đã thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền: 19.891.421đồng, trong đó: 15.466.763đồng nợ gốc và 4.424.658đồng nợ lãi. Do bà T, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng T nên khoản vay của Hợp đồng cho vay từng lần số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024 đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/12/2024, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng Ngân hàng T kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024 đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 01/12/2024 nên khoản vay bị thu hồi nợ trước hạn. Ngân hàng T đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà T, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Khoản vay này chúng tôi chưa bán nợ cho tổ chức, cá nhân nào.

Tính đến ngày 06/02/2026, bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H còn nợ Ngân hàng T số tiền là 1.141.503.531đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc 1.004.483.237đ, nợ lãi 137.020.294đ. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Nợ gốc 984.533.237đ, nợ lãi 120.616.782đ. Tổng là 1.105.150.019đ.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024 là: Nợ gốc 19.950.000đ, nợ lãi 16.403.512đ. Tổng là 36.353.512đ.

Và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên. Trường hợp bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T thì tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu: Trắng, biển kiểm soát số 43A-.21, số khung: RL4BA3FS2R12, số máy: 1GD567 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý, phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

*** Bị đơn bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.**

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng:**

- **Về thủ tục tố tụng:** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- **Về nội dung vụ án:** Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 1 Điều 3 Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng nhà nước; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 06/02/2026 là 1.141.503.531đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc 1.004.483.237đ, nợ lãi 137.020.294đ. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Nợ gốc 984.533.237đ, nợ lãi 120.616.782đ; tổng cộng 1.105.150.019đ.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024 là: Nợ gốc 19.950.000đ, nợ lãi 16.403.512đ; tổng cộng 36.353.512đ.

Và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H không trả nợ cho Ngân hàng T thì tài sản thế chấp là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu: Trắng, biển kiểm soát số 43A-.21, số khung: RL4BA3FS2R12, số máy: 1GD567 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T sẽ bị phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng T.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý, phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Về chi phí tố tụng, án phí: Bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H cùng có nơi cư trú tại KZ đường Y, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H vay vốn tại Ngân hàng TMCP T theo 02 Hợp đồng vay vốn như sau:

+ Hợp đồng cho vay từng lần số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Số tiền vay 1.000.000.000đồng; ngày giải ngân: 06/11/2024; thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 06/11/2032; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất cho vay: Lãi suất trong hạn áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân: 8.5%/năm (có điều chỉnh). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Trả nợ gốc, lãi: trả hàng tháng;

+ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024: Hạn mức thẻ tín dụng: 20.000.000đồng, loại thẻ: Thẻ tín dụng T Visa

Flash 2IN1, số tiền giải ngân: Khách hàng sử dụng/tiêu dùng theo hạn mức được cấp.

Ngoài ra, còn các điều khoản khác có liên quan.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng nêu trên thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông H chỉ thanh toán cho Ngân hàng T được 19.891.421đồng, trong đó: 15.466.763đồng nợ gốc và 4.424.658đồng nợ lãi, cụ thể:

Xét, bà T, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, là người có lỗi trong việc chậm thanh toán tiền nợ. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng nên được HĐXX chấp nhận buộc phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 06/02/2026 là 1.141.503.531đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc 1.004.483.237đ, nợ lãi 137.020.294đ. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Nợ gốc 984.533.237đ, nợ lãi 120.616.782đ; tổng cộng 1.105.150.019đ.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024 là: Nợ gốc 19.950.000đ, nợ lãi 16.403.512đ; tổng cộng là 36.353.512đ.

Kể từ ngày 07/02/2026 bà T, ông H phải chịu các khoản nợ lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T.

[2.2] Đối với yêu cầu về việc xử lý tài sản bảo, HĐXX thấy rằng:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H thế chấp tài sản: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu: Trắng, biển kiểm soát số 43A-.21, số khung: RL4BA3FS2R12, số máy: 1GD567 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 437/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024.

Tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng thế chấp tại Văn phòng công chứng T, TP Đà Nẵng, số công chứng No4510, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/11/2024 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/11/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại TP Đà Nẵng nên phát sinh hiệu lực từ thời điểm giao kết. Tòa án đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ theo Biên bản ngày 08, 21/8/2025.

Trong trường hợp bà T, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì tài sản thế chấp nêu trên sẽ được xử lý theo Điều 299 Bộ luật dân sự; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng để Ngân hàng T thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T, ông H phải chịu chi phí tố tụng, án phí.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đồng bà T, ông H phải chịu.

- Án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000đ + 3% (1.141.503.531đ - 800.000.000đ) = 46.245.105đ bà T, ông H phải chịu.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Điều 299, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng T đối với bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H.

Buộc bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 06/02/2026 là 1.141.503.531đ (Một tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, năm trăm ba mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc 1.004.483.237đ, nợ lãi 137.020.294đ. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024: Nợ gốc 984.533.237đ, nợ lãi 120.616.782đ; tổng cộng 1.105.150.019đ.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024 là: Nợ gốc 19.950.000đ, nợ lãi 16.403.512đ; tổng cộng là 36.353.512đ.

Kể từ ngày 07/02/2026 cho đến khi thi hành án xong bà T, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 538/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 06/11/2024. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Sau khi bà T, ông H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T phải trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an TP. Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T cho bà T, ông H.

Trong trường hợp bà T, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại FORTUNER, màu: Trắng, biển kiểm soát số 43A-.21, số khung: RL4BA3FS2R12, số máy: 1GD567 có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 43 X1234 do Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28/10/2024 đứng tên bà Văn Thị Thùy T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 437/2024/HĐTD/TT BLE MT ngày 05/11/2024 để Ngân hàng T thu hồi nợ.

2. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H phải chịu; Ngân hàng T đã tạm ứng và chi phí xong bà T, ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 46.245.105đ (*Bốn mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm lẻ năm đồng*) bà Văn Thị Thùy T, ông Ngô Nguyễn Quốc H phải chịu.

- Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.584.000đ (*Hai mươi mốt triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000475 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06/02/2026; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp